

VIETNAMESE AS A SECOND LANGUAGE

2

GIÁO TRÌNH TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Professor Nguyễn Văn Huệ
Professor Trần Thị Minh Giới
Professor Nguyễn Thị Ngọc Hân
Professor Thạch Ngọc Minh

CARROT HOUSE

BÀI 1

ÔNG MUỐN MUA GÌ Ạ?

- ▶ Cách nói khi mua sắm
- ▶ Danh từ chỉ loại: cái, con
- ▶ Trợ từ cuối câu: chứ
- ▶ Phó từ: hơn
- ▶ Kết cấu: không những ... mà còn ...

1. Hội thoại

Ở một cửa hàng điện tử.

Người bán: Chào ông. Ông muốn mua gì ạ?

Lâm: Tôi muốn mua một cái ti vi.

Người bán: Vâng. Ở đây có nhiều loại ti vi. Ti vi ở cửa hàng chúng tôi không những chất lượng cao mà còn rẻ nữa. Mời ông xem thử ạ.

Lâm: Cái ti vi này bao nhiêu tiền vậy, cô?

Người bán: Dạ, năm triệu đồng. Thời hạn bảo hành là 6 tháng. Năm

Lâm: triệu à? Hơi đắt. Có loại nào rẻ hơn không, cô?

Người bán: Dạ, có chứ ạ. Cái ti vi kia giá chỉ 4 triệu đồng thôi.

Lâm: Nhưng chất lượng của nó thế nào?

Người bán: Dạ, dùng cũng tốt lắm. Tôi mở lên cho ông xem thử nhé.

Dựa vào bài hội thoại, trả lời các câu hỏi sau:

1. Theo người bán, ti vi ở cửa hàng đó như thế nào?
2. Cái ti vi đầu tiên Lâm xem giá bao nhiêu?
3. Lâm có đồng ý mua cái ti vi đó không? Tại sao?
4. Cái ti vi thứ hai Lâm xem giá bao nhiêu?



2. Thực hành nói

2.1 Thay thế những từ màu xanh trong các mẫu câu sau đây bằng các từ cho sẵn bên dưới:

- A. Tôi muốn **mua** một cái **ti vi**.
- a. bán, máy ảnh
 - b. bán, máy vi tính đời cũ
 - c. mua, đồng hồ
 - d. mua, áo sơ mi màu xanh
- B. Mời **ông** xem thử cái **ti vi** này.
- a. cô, tủ lạnh
 - b. chị, áo dài
 - c. ông, máy giặt
 - d. anh, máy lạnh
- C. **Ti vi** ở cửa hàng chúng tôi không những **chất lượng cao** mà còn **rẻ** nữa.
- a. máy ảnh, rẻ, bền
 - b. đồng hồ, đẹp, rẻ
 - c. máy giặt, hiện đại, dễ dùng
 - d. máy cassette, hiện đại, rẻ
- D. Có loại nào **rẻ** hơn không, **cô**?
- a. nhỏ, ông
 - b. tốt, chị
 - c. lớn, anh
 - d. mới, bà

2.2 Thực hiện những đoạn hội thoại ngắn bằng cách thay thế những từ màu xanh với các từ cho sẵn bên dưới:

- A. A: **Cái áo** này bao nhiêu tiền vậy, chị?
B: Dạ, **sáu chục ngàn** đồng.
- a. con gà, 50 ngàn
 - b. con bò, 6 triệu
 - c. cái bàn, 300 ngàn
 - d. cái quạt máy, 150 ngàn
- B. A: **Cô** thích màu nào?
B: **Màu xanh**. Tôi muốn xem thử **cái áo xanh** kia.
- a. ông, màu đen, cái mũ đen
 - b. chị, màu tím, cái áo dài tím
 - c. bà, màu trắng, cái tủ lạnh trắng
 - d. cô, màu xám, cái quạt máy xám
- C. A: Mua **cam** đi, cô.
B: Bao nhiêu một **chục**?
- a. nho, kí
 - b. bưởi, trái
 - c. chuối, nải
 - d. xoài, chục
- D. A: Tôi **mặc** thử được không?
B: Dạ, được chứ. Xin mời **cô mặc** thử.
- a. ăn, bà
 - b. xem, chị
 - c. nghe, anh
 - d. uống, ông

2.3 Hoàn thành các mẫu hội thoại sau (dùng từ **chứ** để nhấn mạnh ý khẳng định hoặc để hỏi lại cho rõ):

A. *A: Tôi mặc thử cái áo này được không?*

B: Dạ, được chứ ạ. Xin mời bà mặc thử. (nhấn mạnh ý khẳng định)

B. A: Cà phê này ngon chứ? (để hỏi lại cho rõ)

B: Vâng,

C. A: Ở đây có bán máy ảnh hiệu Canon không, cô?

D. A: Cô không _____ ?

B: Dạ, không ạ. Ở đây chúng tôi không nói thách.

E. A: _____?

B: Dạ được. Mời ông xem thử ạ.

F. A: Ti vi này có bảo hành không, ông?

B: Da,

G. A: Có loại máy giặt nào rẻ hơn không, cô?

B: Da, 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

2.4 Học viên đóng vai người mua và người bán ở tiệm ăn, tiệm cà phê... theo những mẫu câu đã học.

3. Từ vựng

3.1 Thực tập hỏi và trả lời theo mẫu sau:

Đây là cái gì? – Đó là cái bàn.

Đây là con gì? – Đó là con gà.

Bài 1: Ông muốn mua gì ạ?

3.2 Nhìn vào hình, hỏi và trả lời:

(chôm chôm, sầu riêng, nhãn, chuối, ổi, măng cụt, bưởi)

- Trái này tiếng Việt gọi là gì?
- Trái này tiếng Việt gọi là xoài.
- Xoài này bao nhiêu một chục?
- Bốn chục ngàn một chục.



15.000 đồng/ kí



20.000 đồng/ kí



30.000 đồng/ kí



12.000 đồng/ kí



6.000 đồng/ nải



5.000 đồng/ kí



20.000 đồng/ chục



15.000 đồng/ trái

3.3 Điền các từ sau đây vào chỗ trống thích hợp:

nhưng / sau đó / đôi / chợ Bến Thành / quần jean / chục

Hôm qua tôi và chị Mai đi
 Chị Mai mua một chục cam
 và một kí chôm chôm. Tôi cũng mua
 một cam, tôi không
 mua chôm chôm., chúng tôi đi
 mua quần áo và giày dép. Tôi mua
 một giày màu trắng, còn chị Mai
 mua một cái màu xanh.



4. Thực hành nghe

4.1 Nghe hội thoại giữa người bán cam và người mua, sau đó trả lời câu hỏi:

1. Người bán nói giá một chục cam là bao nhiêu?
2. Cuối cùng, người bán đồng ý bán một chục cam giá bao nhiêu?
3. Người mua muốn mua mấy chục cam?



4.2 Ở một cửa hàng quần áo. Nghe hội thoại giữa người bán và người mua, sau đó trả lời câu hỏi:

1. Cô gái ấy muốn mua gì?
2. Cô ấy thích màu gì?
3. Cái áo mà cô ấy muốn mua giá bao nhiêu?



Bài 1: Ông muốn mua gì ạ?

5. Thực hành viết

5.1 Dùng động từ thích hợp để hoàn thành các câu dưới đây:

ăn / mặc / xem / nghe / đọc / mang / uống

VD: *Cái ti vi này lạ quá. Tôi **xem** thử có được không?*

1. Cái áo dài này đẹp quá. Tôi thử có được không?
2. Đôi giày này tốt lắm. Anh muốn thử không?
3. Cái bánh này ngon lắm. Anh đã thử bao giờ chưa?
4. Cà phê này thơm và ngon lắm. Mời các bạn thử.
5. Tôi đang rảnh. Tôi muốn thử quyển sách này.
6. Bài hát này hay lắm. Chị có muốn thử không?

5.2 Chọn danh từ chỉ loại thích hợp điền vào chỗ trống (*cái / con*):

1. chó này dễ thương quá.
2. Chị mua áo dài này ở đâu vậy?
3. tủ lạnh đó hiệu gì?
4. Chị có thấy mèo trắng của tôi ở đâu không?
5. Chị mặc thử quần jean đó chưa?
6. máy vi tính này giá bao nhiêu?
7. Cô ấy mua một mũ màu vàng.